

Số /BC-THPTNM

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm học 2025-2026

### I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên trường:** Trường THPT Nghĩa Minh

**2. Địa chỉ:** Xóm 1 Nghĩa Minh, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại : 0334816880

Địa chỉ thư điện tử: [thpt.nghiaminh@namdinh.edu.vn](mailto:thpt.nghiaminh@namdinh.edu.vn)

Cổng thông tin điện tử: <https://thptnghiaminh.ninhbinh.edu.vn/>

**3. Loại hình cơ sở giáo dục:** Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quản lý của Sở Giáo dục & Đào tạo Ninh Bình.

**4. Sứ mệnh, tầm nhìn của trường THPT Nghĩa Minh**

#### 4.1 Sứ mệnh

Trường THPT Nghĩa Minh có sứ mệnh xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, thân thiện, nhân văn và sáng tạo; tạo điều kiện để mỗi học sinh được phát hiện, bồi dưỡng năng lực, rèn luyện phẩm chất, phát triển khả năng tự học, tự chủ và trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.

Nhà trường chú trọng hình thành cộng đồng học tập dựa trên sự đồng hành của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội; trong đó giáo viên giữ vai trò định hướng, học sinh là trung tâm của quá trình giáo dục, gia đình và xã hội phối hợp hỗ trợ để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

#### 4.2 Tầm nhìn

Trường THPT Nghĩa Minh phấn đấu xây dựng nhà trường trở thành cơ sở giáo dục phổ thông công lập có uy tín, chất lượng, có môi trường học tập hiện đại, an toàn, giàu bản sắc; từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, chuyển đổi số và hội nhập trong giai đoạn mới.

Nhà trường hướng tới phát triển mô hình trường học kết nối, trong đó các hoạt động quản lý, dạy học, giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp và phối hợp với cộng đồng được tổ chức đồng bộ, hiệu quả, tạo nền tảng để học sinh phát triển toàn diện và có năng lực thích ứng với tương lai.

#### 4.3 Mục tiêu giáo dục

Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức kỷ luật, trách nhiệm công dân và năng lực tự học của học sinh.

## 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường được thành lập theo Quyết định 1739/QĐ-UBND ngày 24/8/2010 của UBND tỉnh Nam Định.

Trường THPT Nghĩa Minh được thành lập năm 2010, tách từ trường THPT A Nghĩa Hưng ra, một cơ sở giáo dục còn nhiều thiếu thốn được xây dựng từ năm 2010. Thời gian đầu mới thành lập, nhà trường có 7 lớp với 270 học sinh và 22 cán bộ, giáo viên, nhân viên; trong điều kiện còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhưng tập thể nhà trường đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục được giao.

Tuy trường mới thành lập, tuổi còn non trẻ, nhà trường từng bước ổn định tổ chức, phát triển quy mô, nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục và hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học, giáo dục. Kết quả đạt được: nhà trường đã nhận có thí sinh duy nhất giành điểm tuyệt đối môn Ngữ văn trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và trường đã nhận được Bằng khen của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bằng khen của UBND tỉnh Nam Định, Bằng khen của huyện Nghĩa Hưng và nhiều danh hiệu thi đua khác. Năm học 2016-2017, nhà trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016–2021.

Năm học 2025-2026 nhà trường có 18 lớp với 726 học sinh và 49 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên của nhà trường đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, tâm huyết với nghề.

Qua quá trình phát triển, nhà trường tiếp tục duy trì nền nếp, kỷ cương, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

## 6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Trần Văn Tuấn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 1 Nghĩa Minh, xã Đồng Thịnh, tỉnh Ninh Bình

Số điện thoại: 0984958205

Địa chỉ thư điện tử: [trantuan@gmail.com](mailto:trantuan@gmail.com)

## 7. Tổ chức bộ máy:

| STT | Nội dung                     | Số kỳ hiệu, ngày tháng ban hành  | Cơ quan Ban hành                |
|-----|------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| 1   | Quyết định thành lập trường  | Số 1739/QĐ-UBND ngày 24/8/2010   | Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định   |
| 2   | Quyết định bổ nhiệm Hiệu     | Số 1575/QĐ-SGDĐT ngày 11/12/2025 | Sở Giáo dục & Đào tạo Ninh Bình |
| 3   | Quyết định bổ nhiệm Hiệu Phó | Số 1576/QĐ-SGDĐT ngày            | Sở Giáo dục & Đào tạo Ninh Bình |

|   |  |                                   |                                 |
|---|--|-----------------------------------|---------------------------------|
|   |  | 11/12/2025                        |                                 |
|   |  | Số 1577/QQĐ-SGDĐT ngày 11/12/2025 | Sở Giáo dục & Đào tạo Ninh Bình |
| 4 | Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường             | Số 38/QC-THPTNM ngày 17/10/2025   | Trường THPT Nghĩa Minh          |
| 5 | Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng | Số 07/QĐ-THPTNM ngày 29/8/2025    | Trường THPT Nghĩa Minh          |

### 8. Các Văn Bản của nhà trường

| STT | Tên Văn Bản   | Số, Ký hiệu, ngày ban hành        | Người ban hành  | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------------------|-----------------|---------|
| 1   | Kế hoạch chiến lược phát triển Trường THPT Nghĩa Minh giai đoạn 2021-2026 tầm nhìn đến năm 2030 | Số 141/KH-THPTNM ngày 10/5/2021   | Hiệu trưởng     |         |
| 2   | Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Nghĩa Minh   | Số 38/QC-THPTNM ngày 17/10/2025   | Hiệu trưởng     |         |
| 3   | Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở của trường THPT Nghĩa Minh                                    | Số 39/QC-THPTNM ngày 17/10/2025   | Hiệu trưởng     |         |
| 4   | Quy trình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh         | Số 39.a/QC-THPTNM ngày 17/10/2025 | Hiệu trưởng     |         |
| 5   | Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026  | Số 26/KH-THPTNM ngày 15/9/2025    | Phó Hiệu trưởng |         |
| 6   | Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026   | Số 63/KH-THPTNM ngày 16/10/2025   | Phó Hiệu trưởng |         |
| 7   | Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026  | Số 62/KH-THPTNM ngày 16/10/2025   | Phó Hiệu trưởng |         |
| 8   | Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2025-2026         | Số 62-a/KH-THPTNM ngày 16/10/2025 | Phó Hiệu trưởng |         |

### II ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

| STT      | Nội dung   | Tổng số   | Trình độ đào tạo |          |           |    |    |          | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |         | Chuẩn nghề nghiệp |      |            |       |
|----------|--|-----------|------------------|----------|-----------|----|----|----------|----------------------------|----------|---------|-------------------|------|------------|-------|
|          |  |           | TS               | Th S     | ĐH        | CD | TC | Dư ới TC | Hạ ng III                  | Hạ ng II | Hạ ng I | Xuất sắc          | Kh á | Trung bình | K é m |
|          | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên     | 45        |                  | 9        | 28        | 2  | 3  |          | 33                         | 2        |         | 11                | 26   |            |       |
| <b>I</b> | <b>Giáo viên</b><br>Trong đó số giáo viên dạy môn: | <b>34</b> |                  | <b>8</b> | <b>26</b> |    |    |          | <b>33</b>                  | <b>1</b> |         |                   |      |            |       |
| 1        | Toán   | 5         |                  | 2        | 3         |    |    |          | 4                          | 1        |         | 2                 | 3    |            |       |
| 2        | Lý   | 3         |                  | 2        | 1         |    |    |          | 3                          | 0        |         | 1                 | 2    |            |       |
| 3        | Hóa  | 3         |                  | 1        | 2         |    |    |          | 3                          |          |         | 1                 | 2    |            |       |
| 4        | Sinh   | 3         |                  |          | 3         |    |    |          | 3                          |          |         | 1                 | 2    |            |       |
| 5        | Sử   | 2         |                  |          | 2         |    |    |          | 2                          |          |         | 1                 | 1    |            |       |
| 6        | Địa  | 2         |                  |          | 2         |    |    |          | 2                          |          |         | 1                 | 1    |            |       |
| 7        | Văn  | 3         |                  | 2        | 1         |    |    |          | 3                          |          |         | 2                 | 1    |            |       |
| 8        | KT&PL  | 2         |                  |          | 2         |    |    |          | 2                          |          |         | 1                 | 1    |            |       |
| 9        | TD   | 2         |                  |          | 2         |    |    |          | 2                          |          |         | 1                 | 1    |            |       |
| 10       | GDQP-AN  | 1         |                  |          | 1         |    |    |          | 1                          |          |         | 0                 | 1    |            |       |
| 11       | Ngoại ngữ  | 4         |                  | 1        | 3         |    |    |          | 4                          |          |         | 1                 | 3    |            |       |
| 12       | Tin học  | 2         |                  |          | 2         |    |    |          | 2                          |          |         | 1                 | 1    |            |       |

|           |                                |          |  |          |          |          |          |          |          |          |  |          |          |  |  |
|-----------|--------------------------------|----------|--|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|--|----------|----------|--|--|
| 13        | KTCN                           | 1        |  |          | 1        |          |          |          | 1        |          |  | 0        | 1        |  |  |
| 14        | KTNN                           | 1        |  |          | 1        |          |          |          | 1        |          |  | 0        | 1        |  |  |
| <b>II</b> | <b>Cán bộ quản lý</b>          | <b>3</b> |  | <b>1</b> | <b>2</b> |          |          |          | <b>2</b> | <b>1</b> |  | <b>3</b> | <b>0</b> |  |  |
| 1         | Hiệu trưởng                    | 1        |  | 1        |          |          |          |          | 1        |          |  | 1        | 0        |  |  |
| 2         | Phó hiệu trưởng                | 2        |  |          | 2        |          |          |          | 1        | 1        |  | 2        | 0        |  |  |
| <b>II</b> | <b>Nhân viên</b>               | <b>8</b> |  |          |          | <b>2</b> | <b>3</b> | <b>3</b> |          |          |  |          |          |  |  |
| 1         | Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ | 1        |  |          |          |          | 1        |          |          |          |  |          |          |  |  |
| 2         | Nhân viên kế toán              | 1        |  |          |          | 1        |          |          |          |          |  |          |          |  |  |
| 3         | Nhân viên y tế                 | 1        |  |          |          | 1        |          |          |          |          |  |          |          |  |  |
| 4         | Nhân viên Thư viện             | 1        |  |          |          |          | 1        |          |          |          |  |          |          |  |  |
| 5         | Nhân viên thiết bị thí nghiệm  | 1        |  |          |          |          | 1        |          |          |          |  |          |          |  |  |
| 6         | Nhân viên bảo vệ               | 2        |  |          |          |          |          | 2        |          |          |  |          |          |  |  |
| 7         | Nhân viên tạp vụ               | 1        |  |          |          |          |          | 1        |          |          |  |          |          |  |  |

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

| STT                          | Hạng mục công trình | Năm 2025 (m <sup>2</sup> /học sinh) | Năm 2026 (m <sup>2</sup> /học sinh) | Tiêu chuẩn mức độ 2/Kết quả đối sánh  |
|------------------------------|---------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---|
| <b>A. Khối phòng học tập</b> |                     |                                     |                                     |   |
| 1                            | Phòng học           | 1,5                                 | 1,5                                 | Tiêu chuẩn: tối thiểu 1,50 m <sup>2</sup> /học sinh; tổng diện tích không nhỏ hơn 45 m <sup>2</sup> /phòng. Kết quả: <b>Đạt</b> |

| 2                                   | Phòng học bộ môn Tin học                        | 2                                    | 2                                   | Tiêu chuẩn: tối thiểu 2,00 m <sup>2</sup> /học sinh; Kết quả: <b>Đạt</b>   |
|-------------------------------------|---|--------------------------------------|-------------------------------------|--|
| 3                                   | Phòng học bộ môn Ngoại Ngữ                      | 2                                    | 2                                   | Tiêu chuẩn: tối thiểu 2,00 m <sup>2</sup> /học sinh; Kết quả: <b>Đạt</b>   |
| 4                                   | Phòng học đa chức năng ( có thiết bị nghe nhìn) | 0,5                                  | 0,5                                 | Tiêu chuẩn: tối thiểu 2,00 m <sup>2</sup> /học sinh; Kết quả: <b>Không đạt</b>   |
| 5                                   | Phòng học bộ môn Vật lý                         | 2                                    | 2                                   | Tiêu chuẩn: tối thiểu 2,00 m <sup>2</sup> /học sinh; Kết quả: <b>Đạt</b>   |
| 6                                   | Phòng học bộ môn Hóa học                        | 2                                    | 2                                   | Tiêu chuẩn: tối thiểu 2,00 m <sup>2</sup> /học sinh; Kết quả: <b>Đạt</b>   |
| 7                                   | Phòng Học bộ môn Sinh học                       | 2                                    | 2                                   | Tiêu chuẩn: tối thiểu 2,00 m <sup>2</sup> /học sinh; Kết quả: <b>Đạt</b>   |
| <b>2. Khối phòng hỗ trợ học tập</b> |   |                                      |                                     |  |
| STT                                 | Hạng mục công trình                             | Năm 2025 ( m <sup>2</sup> /học sinh) | Năm 2026 (m <sup>2</sup> /học sinh) | Tiêu chuẩn mức độ 2/Kết quả đối sánh   |
| 1                                   | Thư viện  | 50m <sup>2</sup>                     | 50m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: tối thiểu 0,60 m <sup>2</sup> /học sinh; để đáp ứng 30% học sinh: 0.6 x 0.3x 1587=285 m <sup>2</sup> . Kết quả: <b>Không đạt</b> |
| 2                                   | Phòng tư vấn học đường                          | 50m <sup>2</sup>                     | 50m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: 24 m <sup>2</sup> /phòng. Kết quả: <b>Đạt</b>  |
| 3                                   | Phòng Đoàn Thanh niên                           | 50m <sup>2</sup>                     | 50m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: tối thiểu 0,03 m <sup>2</sup> /học sinh. Kết quả: <b>Đạt</b>   |
| 4                                   | Phòng truyền thông                              | 50m <sup>2</sup>                     | 50m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: 48 m <sup>2</sup> /phòng; Kết quả: <b>Đạt</b>  |
| <b>3. Khối phòng phụ trợ</b>        |   |                                      |                                     |  |
| STT                                 | Hạng mục công trình                             | Năm 2025 ( m <sup>2</sup> /Phòng)    | Năm 2026 (m <sup>2</sup> /Phòng)    | Tiêu chuẩn mức độ 2/Kết quả đối sánh   |
| 1                                   | Phòng Họp                                       | 50m <sup>2</sup>                     | 50m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: 1,20 m <sup>2</sup> /người. Kết quả: <b>Không đạt</b>  |
| 2                                   | Phòng Tổ chuyên môn                             | 30m <sup>2</sup>                     | 30m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: 30 m <sup>2</sup> /phòng. Kết quả: <b>Đạt</b>  |
| 3                                   | Phòng y tế học đường                            | 25m <sup>2</sup>                     | 25m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn: 24 m <sup>2</sup> /phòng. Kết quả: <b>Đạt</b>  |
| 4                                   | Nhà kho   | 50m <sup>2</sup>                     | 50m <sup>2</sup>                    | Tiêu chuẩn gốc: 48 m <sup>2</sup> /kho. Kết quả: <b>Đạt</b>  |
| 5                                   | Khu để xe học sinh                              | 1.000 m <sup>2</sup>                 | 1.000 m <sup>2</sup>                | Tiêu chuẩn : 0,90 m <sup>2</sup> /xe đạp; 2,50 m <sup>2</sup> /xe máy. Kết quả: <b>Không đạt</b>   |
| 6                                   | Khu vệ sinh học sinh                            | 150 m <sup>2</sup>                   | 150 m <sup>2</sup>                  | Tiêu chuẩn: tối thiểu 0,06 m <sup>2</sup> /học sinh. Kết quả: <b>Đạt</b>   |

|  |                            |  |  |  |
|--|----------------------------|--|--|--|
| 7  | Phòng Giáo viên            | 50 m <sup>2</sup>                        | 50 m <sup>2</sup>                        | Tiêu chuẩn gốc: 4 m <sup>2</sup> /giáo viên. Kết quả: <b>Không đạt</b>   |
| <b>4. Khu sân chơi, thể dục thể thao</b> |                            |  |  |  |
| <b>STT</b>                               | <b>Hạng mục công trình</b> | <b>Năm 2025 (m<sup>2</sup>/học sinh)</b> | <b>Năm 2026 (m<sup>2</sup>/học sinh)</b> | <b>Tiêu chuẩn mức độ 2/Kết quả đối sánh</b>  |
| 1  | Sân trường                 | 3.000 m <sup>2</sup>                     | 3.000m <sup>2</sup>                      | Tiêu chuẩn: tối thiểu 1,50 m <sup>2</sup> /học sinh. Kết quả: <b>Không đạt</b>   |
| 2  | Sân thể dục thể thao       | 2.000 m <sup>2</sup>                     | 2.000 m <sup>2</sup>                     | Tiêu chuẩn: tối thiểu 0,35 m <sup>2</sup> /học sinh; tổng diện tích sân không nhỏ hơn 350 m <sup>2</sup> . Kết quả: <b>Đạt</b> |

#### **IV KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Năm 2023, nhà trường tiếp tục duy trì công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục (Kế hoạch kiểm định, Báo cáo kiểm định, Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục sau kiểm định, cập nhật minh chứng và thực hiện các nội dung cải tiến chất lượng theo quy định) Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 10/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định về việc công nhận kết quả đánh giá ngoài, nhà trường đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia. Trong năm 2025, nhà trường tiếp tục duy trì các điều kiện đã được công nhận, đồng thời thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá, sau đánh giá ngoài nhằm bảo đảm chất lượng giáo dục ổn định, bền vững.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Kế hoạch hoạt động giáo dục và tuyển sinh năm học 2025–2026**

###### **1.1. Kế hoạch tuyển sinh**

Trong năm 2025, nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025–2026 theo chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên. Nhà trường thực hiện công khai các thông tin tuyển sinh theo quy định, gồm: đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, thời gian thực hiện, hồ sơ đăng ký dự tuyển và các nội dung có liên quan.

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-THPTNM ngày 29/4/2025 về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025–2026; ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh và công bố công khai các điều kiện giáo dục phục vụ công tác tuyển sinh. Việc thông tin, hướng dẫn, tư vấn tuyển sinh được triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh theo đúng kế hoạch

###### **1.2. Kế hoạch giáo dục năm học 2025–2026**

Nhà trường ban hành Kế hoạch giáo dục số 29/KH-THPTBNK ngày 15/9/2025 nhằm thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ và cách thức tổ chức thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục trong năm học 2025–2026; làm căn cứ để các tổ chuyên môn, giáo viên,

giáo viên chủ nhiệm, các bộ phận và tổ chức trong nhà trường triển khai nhiệm vụ, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

Kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, khung thời gian năm học, Điều lệ trường trung học, các quy định về Chương trình giáo dục phổ thông và đánh giá học sinh; bảo đảm đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Trong năm học, nhà trường tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học; tăng cường giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, văn hóa học đường; bảo đảm an toàn trường học; thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá và triển khai học bạ số.

### **1.3. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

Nhà trường tiếp tục phối hợp với cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể, cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh, tuyên truyền pháp luật, an toàn giao thông, phòng chống ma túy, phòng chống bạo lực học đường, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội được thực hiện nhằm tạo sự thống nhất trong quản lý, giáo dục học sinh; hỗ trợ học sinh phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và cộng đồng.

### **1.4. Hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện và sinh hoạt của học sinh**

Nhà trường tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện và sinh hoạt cho học sinh thông qua phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn tập thi tốt nghiệp trung học phổ thông, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, tư vấn tâm lý học đường, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục thể chất, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

Đối với học sinh lớp 12, nhà trường xây dựng kế hoạch ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông, phân loại đối tượng học sinh, tổ chức ôn tập theo giai đoạn, tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng ôn tập, hỗ trợ học sinh còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và bồi dưỡng học sinh có khả năng đạt kết quả cao.

## **2. Kết quả giáo dục thực tế năm học 2024–2025**

### **2.1. Kết quả tuyển sinh**

Năm học 2024–2025, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc tuyển sinh được tổ chức công khai, đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, đúng phương thức và thời gian quy định.

Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2024–2025 là 269 học sinh; trong đó tuyển thẳng 0 học sinh, chỉ tiêu xét thi tuyển là 261 học sinh. Nhà trường thực hiện công tác thông tin, hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ tuyển sinh theo đúng quy định.

## 2.2. Quy mô lớp, học sinh

Năm học 2024–2025, nhà trường có 18 lớp với 731 học sinh, tăng 35 học sinh so với cùng kỳ năm học 2023–2024. Trong đó, khối 10 có 6 lớp với 621 học sinh; khối 11 có 6 lớp với 235 học sinh; khối 12 có 6 lớp với 235 học sinh.

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả 03 khối lớp; xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và đặc điểm học sinh.

## 2.3. Công tác quản lý học sinh và thống kê học sinh

Nhà trường thực hiện công tác quản lý học sinh theo quy định; cập nhật, theo dõi đầy đủ thông tin học sinh trên hồ sơ quản lý của nhà trường và cơ sở dữ liệu ngành. Công tác quản lý sĩ số, biến động học sinh, học sinh chuyển đi, chuyển đến, học sinh học 02 buổi/ngày, học sinh nam, nữ, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật được thực hiện thường xuyên, phục vụ công tác quản lý, báo cáo và công khai theo quy định.

**Bảng thống kê học sinh năm học 2024–2025**

| STT | Nội dung                              | Tổng số | Khối 10 | Khối 11 | Khối 12 |
|-----|---------------------------------------|---------|---------|---------|---------|
| 1   | Số lớp                                | 18      | 6       | 6       | 6       |
| 2   | Số học sinh                           | 742     | 269     | 238     | 235     |
| 3   | Số học sinh bình quân/ lớp            | 41      | 45      | 40      | 39      |
| 4   | Số học sinh học 2 buổi/ ngày          | 742     | 269     | 238     | 235     |
| 5   | Số học sinh nam                       | 376     | 131     | 128     | 117     |
| 6   | Số học sinh nữ                        | 352     | 130     | 108     | 118     |
| 7   | Số học sinh là người dân tộc thiểu số | 0       | 0       | 0       | 0       |
| 8   | Số học sinh khuyết tật                | 1       | 0       | 0       | 1       |
| 9   | Số học sinh chuyển trường đi          | 11      | 9       | 2       | 0       |
| 10  | Số học sinh tiếp nhận vào trường      | 0       | 0       | 0       | 0       |

## 2.4. Kết quả thực hiện chương trình giáo dục, đánh giá học sinh và tốt nghiệp

Trong năm học 2024–2025, nhà trường triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối 10, khối 11 và khối 12. Các tổ hợp môn học lựa chọn, chuyên đề học tập lựa chọn được tổ chức theo hướng dẫn của cấp trên, bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp nguyện vọng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường.

Công tác đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá được triển khai theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; thực hiện đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, đánh giá thông qua sản phẩm học tập, dự án học tập, bài thực hành và các hình thức phù hợp với đặc thù từng môn học, hoạt động giáo dục.

Năm học 2024–2025, nhà trường có 235 học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông; số bằng tốt nghiệp chính thức được duyệt là 235 bằng. Công tác quản lý văn bằng được thực hiện chặt chẽ, có sổ cấp phát, ký nhận theo quy định; bảo đảm điều kiện lưu trữ, bảo quản văn bằng và hồ sơ cấp phát văn bằng tốt nghiệp.

## **2.5. Kết quả các cuộc thi, hội thi, phong trào giáo dục năm học 2024–2025**

Năm học 2024–2025, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy kết quả trong các phong trào thi đua, các cuộc thi, hội thi do ngành Giáo dục và các cấp tổ chức. Các hoạt động được triển khai theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; khuyến khích nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, rèn luyện kỹ năng, phát triển năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

+ Hội thi GVĐG cấp tỉnh: 4/4 GV tham dự đạt danh hiệu GVĐG cấp tỉnh. Toàn đoàn được tặng cờ giải ba.

+ Hội thảo, hội giảng cụm các trường THPT Huyện Nghĩa Hưng tại trường THPT Trần Nhân Tông, cô giáo Hoàng Phương Thảo báo cáo tham luận, bài báo cáo được đánh giá cao.

+ Dự án cuộc thi” Học sinh phổ thông với ý tưởng khởi nghiệp” của học sinh nhà trường được vào vòng chung kết.

+ Dự án tham dự cuộc thi KHKT cấp tỉnh học sinh nhà trường được giải khuyến khích.

+ Về học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh: Có 05 giải ba, 06 giải KK.

+ Về cuộc thi TĐTT cấp tỉnh: Đạt 02 giải KK.

+ Về thi viết SK cấp ngành: Có 03 sáng kiến được công nhận có phạm vi ảnh hưởng cấp ngành.

+ Giấy khen của chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng cho cán bộ và giáo viên nhà trường.

- Phong trào viết, vận dụng sáng kiến: Có 3 sáng kiến được công nhận cấp tỉnh.

- Công tác biểu dương, khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các điển hình tiên tiến:

+ Cô giáo Nguyễn Thị Lương-GV Ngữ văn: Thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đoạt giải Khuyến khích; Bồi dưỡng HSG môn Ngữ văn lớp 12: 1 giải Ba, 1 giải Khuyến khích, toàn đội xếp thứ 27. Lớp chủ nhiệm: HK1 xếp thứ 2 toàn trường, đạt danh hiệu

Lớp Tiên tiến xuất sắc. Tổng hợp thi đua mọi mặt của GV cả năm: xếp thứ 4 toàn trường. Có sáng kiến được công nhận cấp tỉnh.

+ Cô giáo Trần Thị Phương-GV Tin học: -Giải nhất GVDG cấp tỉnh năm học 2024 - 2025. Bồi dưỡng HSG môn Tin học 12 có 2 giải: 1 giải ba và 1 giải khuyến khích. Tổng hợp thi đua cuối năm của giáo viên trường THPT Nghĩa Minh năm học 2024 - 2025 xếp thứ 3 trên tổng số 34 giáo viên toàn trường.

+ Cô Vũ Lan Hương-GV Tiếng anh: Có 2 học sinh đạt giải khuyến khích Khoa học kỹ thuật. Giải khuyến khích thiết kế bài giảng Elearning toàn quốc. Tổng hợp thi đua cuối năm của giáo viên trường THPT Nghĩa Minh năm học 2024 - 2025 xếp thứ 13 trên tổng số 34 giáo viên toàn trường. Có sáng kiến được công nhận cấp tỉnh

+ Học sinh: Hoàng Thanh Phương lớp 12A1 đạt giải ba kỳ thi HSG cấp tỉnh môn Ngữ văn.

+ Học sinh: Ngô Anh Quân lớp 12A1 đạt giải ba kỳ thi HSG cấp tỉnh môn Vật lý

+ Học sinh: Bùi Chí Công lớp 12A4 đạt giải ba kỳ thi HSG cấp tỉnh môn Địa lý

### **3. Kết quả hoạt động giáo dục học kỳ I năm học 2025–2026**

#### **3.1. Kế hoạch tuyển sinh**

Năm học 2025–2026, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc tuyển sinh được tổ chức công khai, đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, đúng phương thức và thời gian quy định.

Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2025-2026 là 504 học sinh; trong đó tuyển thẳng 0 học sinh, chỉ tiêu xét thi tuyển là 242 học sinh. Nhà trường thực hiện công tác thông tin, hướng dẫn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ tuyển sinh theo đúng quy định

Ngoài kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024–2025, nhà trường công khai bổ sung kết quả hoạt động giáo dục học kỳ I năm học 2025–2026 để phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong năm báo cáo.

#### **3.2. Công tác quản lý học sinh học kỳ I năm học 2025–2026**

Trong học kỳ I năm học 2025–2026, nhà trường tiếp tục thực hiện công tác quản lý học sinh, theo dõi biến động sĩ số, học sinh chuyển đi, chuyển đến, học sinh học 02 buổi/ngày, học sinh nam, nữ, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và các thông tin liên quan. Số liệu được cập nhật theo hồ sơ quản lý học sinh, cơ sở dữ liệu ngành và các báo cáo chuyên môn của nhà trường.

**Bảng thống kê học sinh học kỳ I năm học 2025–2026**

| STT | Nội dung                     | Tổng số | Khối 10 | Khối 11 | Khối 12 |
|-----|------------------------------|---------|---------|---------|---------|
| 1   | Số lớp                       | 18      | 6       | 6       | 6       |
| 2   | Số học sinh                  | 726     | 242     | 250     | 234     |
| 3   | Số học sinh bình quân/ lớp   | 41      | 41      | 42      | 39      |
| 4   | Số học sinh học 2 buổi/ này  | 726     | 242     | 250     | 234     |
| 5   | Số học sinh nam              | 359     | 112     | 121     | 126     |
| 6   | Số học sinh nữ               | 367     | 130     | 129     | 108     |
| 7   | Số học sinh là người dân tộc | 5       | 3       | 1       | 1       |

|    |                                  |    |    |   |   |
|----|----------------------------------|----|----|---|---|
|    | thiếu số                         |    |    |   |   |
| 8  | Số học sinh khuyết tật           | 1  | 0  | 1 | 0 |
| 9  | Số học sinh chuyển trường đi     | 10 | 10 | 0 | 0 |
| 10 | Số học sinh tiếp nhận vào trường | 1  | 1  | 0 | 0 |

### 3.3. Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh

Trong học kỳ I năm học 2025–2026, nhà trường hoàn thành các mục tiêu đề ra. Chất lượng giáo dục tiếp tục được duy trì ổn định

| Khối | Số số | Học tập |       |     |       |     |       |          |      |
|------|-------|---------|-------|-----|-------|-----|-------|----------|------|
|      |       | Tốt     |       | Khá |       | Đạt |       | Chưa Đạt |      |
|      |       | SL      | TL    | SL  | TL    | SL  | TL    | SL       | TL   |
| 10   | 252   | 26      | 10,32 | 189 | 75,00 | 36  | 14,29 | 1        | 0,40 |
| 11   | 252   | 39      | 15,48 | 141 | 55,95 | 58  | 23,02 | 14       | 5,56 |
| 12   | 235   | 65      | 27,66 | 169 | 71,91 | 1   | 0,43  | 0        | 0,00 |
| Tổng | 739   | 130     | 17,59 | 499 | 67,52 | 95  | 12,86 | 15       | 2,03 |

| Khối | Số số | Rèn luyện |       |     |      |     |      |          |      |
|------|-------|-----------|-------|-----|------|-----|------|----------|------|
|      |       | Tốt       |       | Khá |      | Đạt |      | Chưa Đạt |      |
|      |       | SL        | TL    | SL  | TL   | SL  | TL   | SL       | TL   |
| 10   | 252   | 216       | 85,71 | 19  | 7,54 | 8   | 3,17 | 9        | 3,57 |
| 11   | 252   | 211       | 83,73 | 19  | 7,54 | 8   | 3,17 | 14       | 5,56 |
| 12   | 235   | 215       | 91,49 | 20  | 8,51 | 0   | 0,00 | 0        | 0,00 |
| Tổng | 739   | 642       | 86,87 | 58  | 7,85 | 16  | 2,17 | 23       | 3,11 |

Các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo kế hoạch giáo dục đã ban hành, bảo đảm phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các quy định hiện hành về đánh giá học sinh trung học.

### 3.4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục học kỳ I

Nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tăng cường dạy học gắn với thực tiễn,

sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa học đường và an toàn trường học được triển khai thường xuyên. Trong học kỳ I, nhà trường tổ chức 07 chuyên đề theo chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh khối 10, 11, 12; đồng thời duy trì 15 câu lạc bộ hoạt động thường xuyên vào thứ Sáu hằng tuần nhằm phát triển kỹ năng mềm, năng lực cá nhân và tinh thần trách nhiệm của học sinh.

Nhà trường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và an toàn trên không gian mạng; qua đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương.

### **3.5. Kết quả các cuộc thi, hội thi, phong trào giáo dục học kỳ I năm học 2025–2026**

Trong học kỳ I năm học 2025–2026, nhà trường tiếp tục triển khai hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc thi, hội thi và hoạt động giáo dục toàn diện. Các hoạt động được tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát kế hoạch giáo dục năm học, góp phần phát huy năng lực học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và xây dựng môi trường giáo dục tích cực.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được triển khai ngay từ đầu năm học, có kế hoạch cụ thể, phân công giáo viên phụ trách đội tuyển, tổ chức ôn luyện, kiểm tra, đánh giá theo từng giai đoạn. Tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 12 THPT: 01 giải nhì, 6 giải ba và 4 giải khuyến khích.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục STEM tiếp tục đạt thành tích cao. Tại Cuộc thi Khoa học kỹ thuật và Ngày hội STEM dành cho học sinh trung học cấp tỉnh, nhà trường đạt được giải xuất sắc và nhận cờ toàn đoàn.

Tại Cuộc thi “Học sinh phổ thông với ý tưởng khởi nghiệp” do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức, nhà trường có 3 giải KK

Nhìn chung, hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học 2024–2025 và học kỳ I năm học 2025–2026 được triển khai ổn định, đúng kế hoạch, bám sát chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Nhà trường duy trì nền nếp dạy học, đổi mới phương pháp, kiểm tra, đánh giá; chú trọng giáo dục toàn diện, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; quan tâm công tác hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, an toàn trường học và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học.

Kết quả các kỳ thi, cuộc thi, hội thi tiếp tục khẳng định chất lượng giáo dục của nhà trường. Bên cạnh kết quả đạt được, nhà trường tiếp tục rà soát, khắc phục những hạn chế trong đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức hoạt động câu lạc bộ và lưu trữ hồ sơ giáo dục; đồng thời tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong thời gian tiếp theo

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**

Kết quả tài chính được công khai chi tiết trên cổng thông tin điện tử nhà trường <https://thptnghiaminh.ninhbinh.edu.vn/>

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh trường học và y tế trường học**

Trong năm báo cáo, nhà trường tiếp tục triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh trường học; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; an toàn giao thông; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống đuối nước; bảo đảm an toàn trên không gian mạng và các nội dung liên quan đến y tế trường học.

Nhà trường thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội quy, quy định về bảo vệ an ninh trường học đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; tổ chức ký cam kết, phân công trách nhiệm trực bảo vệ, trực an ninh trong các ngày học, ngày nghỉ lễ, tết và các thời điểm cần thiết. Công tác tuyên truyền đối với học sinh được lồng ghép trong hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và các chuyên đề giáo dục.

Nhà trường phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống ma túy, bạo lực học đường; tuyên truyền kỹ năng phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; giáo dục an toàn trên không gian mạng và các kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh. Qua đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương, thân thiện.

### **2. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và quản trị nhà trường. Việc cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu ngành được thực hiện thường xuyên; thông tin về trường, lớp, học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất và các nội dung quản lý khác được rà soát, bổ sung kịp thời phục vụ công tác quản lý, báo cáo.

Trong quản trị nhà trường, nhà trường sử dụng các nền tảng số để điều hành, trao đổi thông tin, lưu trữ hồ sơ, quản lý văn bản, quản lý chuyên môn, duyệt giáo án, triển khai hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử và học bạ điện tử. Từ năm học 2024–2025, nhà trường đã triển khai học bạ số theo chỉ đạo của ngành Giáo dục; việc cập nhật, quản lý và sử dụng học bạ số được thực hiện theo lộ trình, góp phần từng bước số hóa hồ sơ học sinh, nâng cao hiệu quả quản lý và giảm dần hồ sơ giấy.

Nhà trường thực hiện giao dịch tài chính không dùng tiền mặt đối với các khoản thu trong nhà trường theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Việc triển khai thu, nộp qua hình thức không dùng tiền mặt góp phần tăng tính công khai, minh bạch, thuận tiện cho cha mẹ học sinh, học sinh và bộ phận tài chính của nhà trường trong quá trình quản lý, theo dõi, đối chiếu các khoản thu theo quy định.

Nhà trường đã ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch, quyết định liên quan đến công nghệ thông tin, chuyển đổi số và dạy học trực tuyến; từng bước tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, học liệu số và các phần mềm hỗ trợ quản lý, dạy học. 100% cán

bộ quản lý, giáo viên có tài khoản Office 365 và sử dụng trong hoạt động chuyên môn, quản lý hồ sơ, trao đổi thông tin, tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.

Công tác chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám hồ sơ giấy, tăng tính kịp thời trong xử lý công việc, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học, đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý hồ sơ, dữ liệu và giao dịch tài chính của nhà trường.

### **3. Công tác kiểm tra nội bộ, công khai, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra nội bộ theo quy định; tổ chức kiểm tra các nội dung trọng tâm như thực hiện nhiệm vụ nhà giáo, chế độ chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động, công khai tài chính và các điều kiện giáo dục, hồ sơ giáo viên, hồ sơ tổ chuyên môn và hồ sơ các bộ phận trong nhà trường.

Công tác kiểm tra nội bộ được thực hiện theo kế hoạch, có hồ sơ kiểm tra, biên bản, kết luận và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra. Kết quả kiểm tra được sử dụng để điều chỉnh hoạt động quản lý, chuyên môn, nền nếp dạy học, công tác hồ sơ và việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Nhà trường thực hiện quy chế công khai trong hoạt động giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, xây dựng kế hoạch triển khai công khai trong nhà trường, thực hiện công khai các nội dung theo quy định.

Trong năm báo cáo, nhà trường không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết. Nhà trường không có vụ việc tham nhũng, không có vụ việc vi phạm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### **4. Công tác cải cách hành chính, phổ biến giáo dục pháp luật, văn thư, lưu trữ và bảo vệ bí mật nhà nước**

Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, rà soát, đơn giản hóa quy trình xử lý công việc, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, trao đổi văn bản, lưu trữ hồ sơ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Việc công khai, minh bạch thông tin, quy trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo được quan tâm thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai thường xuyên đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Nội dung phổ biến tập trung vào các quy định pháp luật liên quan đến giáo dục, an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống ma túy, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn trên không gian mạng, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các nội dung pháp luật phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Công tác văn thư, lưu trữ được thực hiện theo quy định; nhà trường ban hành, quản lý, lưu trữ văn bản, hồ sơ theo quy trình; từng bước kết hợp lưu trữ bản giấy với

lưu trữ điện tử. Việc bảo vệ bí mật nhà nước được quán triệt đến cán bộ, giáo viên, nhân viên; các văn bản, tài liệu được quản lý, sử dụng, lưu trữ theo đúng quy định.

## **5. Công tác truyền thông giáo dục**

Nhà trường duy trì công tác truyền thông về giáo dục nhằm thông tin kịp thời các hoạt động, kết quả nổi bật, chủ trương, kế hoạch, sự kiện giáo dục và các nội dung cần tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội.

Hoạt động truyền thông được thực hiện thông qua cổng thông tin điện tử của nhà trường, website của ngành, các kênh thông tin nội bộ và các phương tiện thông tin phù hợp. Nội dung truyền thông tập trung vào hoạt động dạy học, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, hướng nghiệp, hoạt động câu lạc bộ, kết quả thi đua, các cuộc thi, hội thi, công tác tuyển sinh, công khai giáo dục và các hoạt động nổi bật của nhà trường. Nhà trường phân công bộ phận phụ trách công tác truyền thông, phát huy vai trò của cán bộ, giáo viên và học sinh trong việc xây dựng hình ảnh nhà trường; bảo đảm thông tin đăng tải chính xác, phù hợp, góp phần lan tỏa các giá trị tích cực, nâng cao uy tín và chất lượng giáo dục của đơn vị.

## **6. Công tác thi đua, khen thưởng và xây dựng môi trường giáo dục**

Nhà trường tổ chức phát động và triển khai các phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ năm học, trọng tâm là phong trào “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng văn hóa học đường, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định; chú trọng động viên, khích lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh có thành tích trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động phong trào và các nhiệm vụ được giao.

Nhà trường tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, nền nếp, an toàn, thân thiện; phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường, của giáo viên chủ nhiệm, tổ chuyên môn, Đoàn Thanh niên và các câu lạc bộ học sinh. Các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, tinh thần trách nhiệm và khả năng hội nhập của học sinh.

## **7. Đánh giá chung**

Trong năm 2025, các nhiệm vụ trọng tâm khác của nhà trường được triển khai tương đối toàn diện, bám sát chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Công tác an toàn trường học, chuyển đổi số, kiểm tra nội bộ, công khai, cải cách hành chính, phổ biến giáo dục pháp luật, văn thư lưu trữ, truyền thông, thi đua khen thưởng được quan tâm thực hiện, góp phần hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

Bên cạnh kết quả đạt được, nhà trường tiếp tục rà soát, khắc phục một số hạn chế trong công tác lưu trữ hồ sơ, ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng đều ở một số cá nhân, chất lượng hoạt động một số câu lạc bộ chưa thật sự có chiều sâu. Trong

thời gian tới, nhà trường tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường chuyển đổi số, chuẩn hóa hồ sơ, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra nội bộ, truyền thông và phối hợp các lực lượng giáo dục để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2025-2026 và năm học 2026-2027./.

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo HĐ thi;
- Lưu: VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Văn Tuấn**